

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 01 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp Gò M, xã Tân T, thị xã G, tỉnh B. (*Vắng mặt có đơn yêu cầu*)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 16B, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B. (*Vắng mặt có đơn yêu cầu*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai:

Về hôn nhân: Chị và anh L sống chung từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Tân. Chị yêu cầu ly hôn với anh L do thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L. Thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2010; tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2012, cháu Diễm đang sống với anh L còn cháu Nhi đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nhi và đồng ý giao con chung tên Diễm cho anh L tiếp tục nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị T sống chung với nhau năm 2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào 08/10/2012 tại ủy ban nhân dân xã Phong Tân. Do vợ chồng trong thời gian sống chung có nhiều mâu thuẫn bất đồng với nhau không hạnh phúc, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung anh và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2010; tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2012, cháu Diễm đang sống với anh L còn cháu Nhi đang sống với chị T. Anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Diễm và đồng ý giao con chung tên Nhi cho chị T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Anh L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo đơn.

Đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L. Về con chung giao cháu tên Nguyễn Ngọc D cho anh L tiếp tục nuôi; giao cháu Nguyễn Ngọc N cho chị T tiếp tục nuôi, không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T; bị đơn là anh Nguyễn Văn L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L chung sống năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 188 ngày 08/10/2012 tại ủy ban nhân dân xã Phong Tân. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn với anh L do vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, hai bên cũng đã sống ly thân nhau và anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của anh chị nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

[3]. Về nuôi con chung: Chị T và anh L chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2010 đang sống với anh L; tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2012 đang sống với chị T. Chị T và anh L thống nhất thỏa thuận giao cháu Nhi cho chị Diễm tiếp tục nuôi, giao cháu Diễm cho anh L tiếp tục nuôi, đây cũng là nguyện vọng của các cháu và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, anh L. Anh L không trực tiếp nuôi con tên Nhi, chị T không trực tiếp nuôi con tên Diễm có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Do các bên không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Vì lợi ích của con chung chị T, anh L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Khi có lý do chính đáng, chị T, anh L có quyền thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Do không có nên không đặt ra xem xét

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0001993 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T, anh L về việc nuôi con chung, cụ thể: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2012 và giao anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2010. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Anh L không trực tiếp nuôi con tên Nhi, chị T không trực tiếp nuôi con tên Diễm có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con chung, những người quy định tại khoản 5 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn trong trường hợp có căn cứ cho rằng người trực

tiếp nuôi con con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Do không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0001993 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy